

TRUYỀN BÀ

TUẦN BÁO CỦA TUỔI TRẺ RA NGÀY TẾT



YÊN ĐI THI

Số 140 Truyện của HỮU-MAI 10.8.44

TỪ SỔ NÀY GIÁ BÁN MỖI SỔ : 0\$40

TÌEU THUYẾT THỦ BẢY

NGUYỆT SAN T.T.T.B.

Số 3 (Août. 1944) đã xuất-ban

*Toàn những bài vở chọn lọc kỹ
120 trang giấy tây trắng đẹp*

Đáng giá 2\$ mà chỉ bán có 1\$50.
Đủ biết nhà Tân-Dân lúc nào cũng
hỷ-sinh cho đẹp lòng bạn đọc.

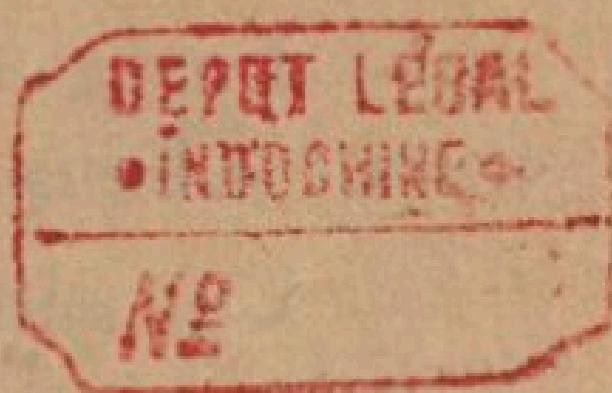
Muôn được nhanh chóng

Các Ngài mua sách, gửi đủ tiền trước cả cước phí,
sẽ được nhanh chóng hơn nhiều lắm.

Là vì gửi những gói không linh-hóa giao-ngân có thể
gửi ngay ở trạm gần nhà in, ngày nào cũng gửi được.

Còn những gói linh-hóa giao-ngân phải đem đến nhà
giấy thép, tỉnh-lỵ xa nhà in 21 km, mỗi tuần mới đi
gửi có một lần.

TRƯỚC KHI YÊN ĐI THI BẢNG SƠ HỌC PHÁP VIỆT



NĂM nay, các bông lúa, hơn các mùa gặt chiêm khác, đồ đuôi muợn. Mặc. Các gia-đình nông dân cũng đã sấm sửa nào liềm, nào hái, nào dợ, nào đòn càn, vì đã quá ngày vọng tháng tư rồi. Bông lúa là mục đích cần lao, là nguồn hy vọng của họ. Nhà cửa ư! quần áo ư! thứ vị ở đình ư! Việc hiếu, việc hỷ, việc sưu thuế và bao nhiêu việc do tập quán, phong tục mà có ư! người nông dân đều trông vào nó. Mà rộng ra nữa, nó còn chi phối cả vận mệnh toàn quốc. Vì nước Nam là một nông quốc.

Trong khi, người dân quê đang rộn rịp đợi chờ mùa gặt đến, ở các cấp học giới, người ta cũng rộn rịp đón chờ mùa Thi-cử. Người học trò đặt hy vọng vào mùa thi, cũng như nông dân đối với mùa gặt. Mà có lẽ còn hơn thế nữa, vì người ta đã nói : « Nhất sĩ nhì nông ».

Năm nay mùa Thi đến. Là học sinh lớp nhất trường Kiêm bị, Yên cũng đã vừa đúng tuổi thi lấy bằng Sơ học Pháp Việt, hay Sơ-học bổ túc Đông.

dương hay còn gọi bằng Cơ-thủy, bằng « Xéc », bằng « ruy-me ». Trước khi Yên tạm biệt gia-đình để đến dự thí ở tỉnh lỵ. Các em bé Yên quây quần lại rồi rít hỏi chuyện.

— Trước kỳ thi này, anh đã có lần nào đi thi chưa? Chúng hỏi.

— Có, anh đã đi thi bằng Sơ-học yếu-lược. Yên đáp :

— Thi bằng thứ chữ gì? Và thi thế nào? Anh hãy nói qua cho chúng em nghe :

— Nguyên trước khi người Tàu sang đô hộ nước ta, chắc ta cũng có một thứ chữ viết như lối chữ người Mường ở Thượng-du ngày nay, nhưng đã bị đào thải. Tiễn dân ta lấy chữ Hán làm lợi khí của giáo-dục và học-vấn. Mà chữ nho là lối chữ tượng hình do Thương Hiệt sử quan đời Hoàng-đế nước Tàu chế ra, sinh sản đến ngày nay độ hơn 5 vạn chữ, mới gần nửa số chữ của nước Anh mà thôi. Lối chữ tượng hình là thu hình mà đặt ra chữ, như chữ Khẩu (口) là cái mồm, là viết theo hình cái mồm. Chữ Tử (子) là con, là viết theo hình đứa trẻ. Chữ nhật (日) chữ nguyệt (月) chữ Sơn (山) là viết theo hình mặt trời, mặt trăng và trái núi. Nhưng sự nhu cần của người ta càng ngày càng rộng, mọi việc không thể tượng hình được cả, bởi đó đặt ra phép lục thư.

1° Tượng hình, 2° Chỉ sự, 3° Hội ý,

4° Hải thanh, 5° Chuyển chú, 6° Giả tá.

1°) *Tượng hình* như trên đã nói là mô-phỏng theo hình đồ vật mà đặt chữ.

2.) *Chỉ sự* là theo tượng hình mà thêm bớt để đặt chữ như chữ *Đán* (旦) là buổi sáng gồm chữ *nhật* (日) và chữ *nhất* (一).

3.) *Hội ý* là ghép nghĩa hai chữ lại mà làm thành như muốn đề nói sự xem, người ta lấy chữ *Thủ* (手) là tay ghép với chữ *Mục* (目) là mắt.

4.) *Hài thanh* là lấy âm một chữ mà ghép nghĩa một chữ khác vào mà đọc, như chữ *Công* (公) thêm chữ *Mộc* (木) mà đọc là *Tàng* (松) để chỉ cây thông.

5.) *Chuyển chú* là lấy một chữ rồi dùng dấu mà đọc khác đi, để cho nó một nghĩa khác, như chữ *Độ* (度) là thước đo, đem vòng khủ-thanh đọc là *Đạc* (度) nghĩa là đo.

6.) *Giả tá* là một chữ mà tùy chỗ dùng mang những nghĩa khác nhau như chữ *Quá* (過) lúc nói *quá giang* (過江) nghĩa là qua sông, lúc nói *cải quá* (改過) lại nghĩa là đổi lỗi.

Trên đó là phép đặt chữ, còn cách viết chữ thì lối viết của *Thương Hiệt* là lối *Cồ-văn*. Đến đời *Chu Tuyên Vương*, quan *Thái Sử Lự* đặt ra lối chữ *Đại-triện*, thường gọi là *Lự văn*. Đến *Lý Tư* nhà *Tần* đổi thành lối *Tiểu-triện*. Rồi *Trình Mạo* lại đổi ra lối chữ *Lệ*. Sau lại có lối chữ *Khải* là theo lối chữ *Lệ* mà viết ngay ngắn ra, tức là lối chữ viết chân phương, nhưng không hiểu ai đã sáng chế ra nó.

Người ta lại dùng bốn dấu để phân biệt các tiếng.

1. *Thượng thanh* vòng phía trên bên trái tức là dấu ngã.

2. *Bình thanh* vòng phía dưới bên trái tức là dấu huyền.

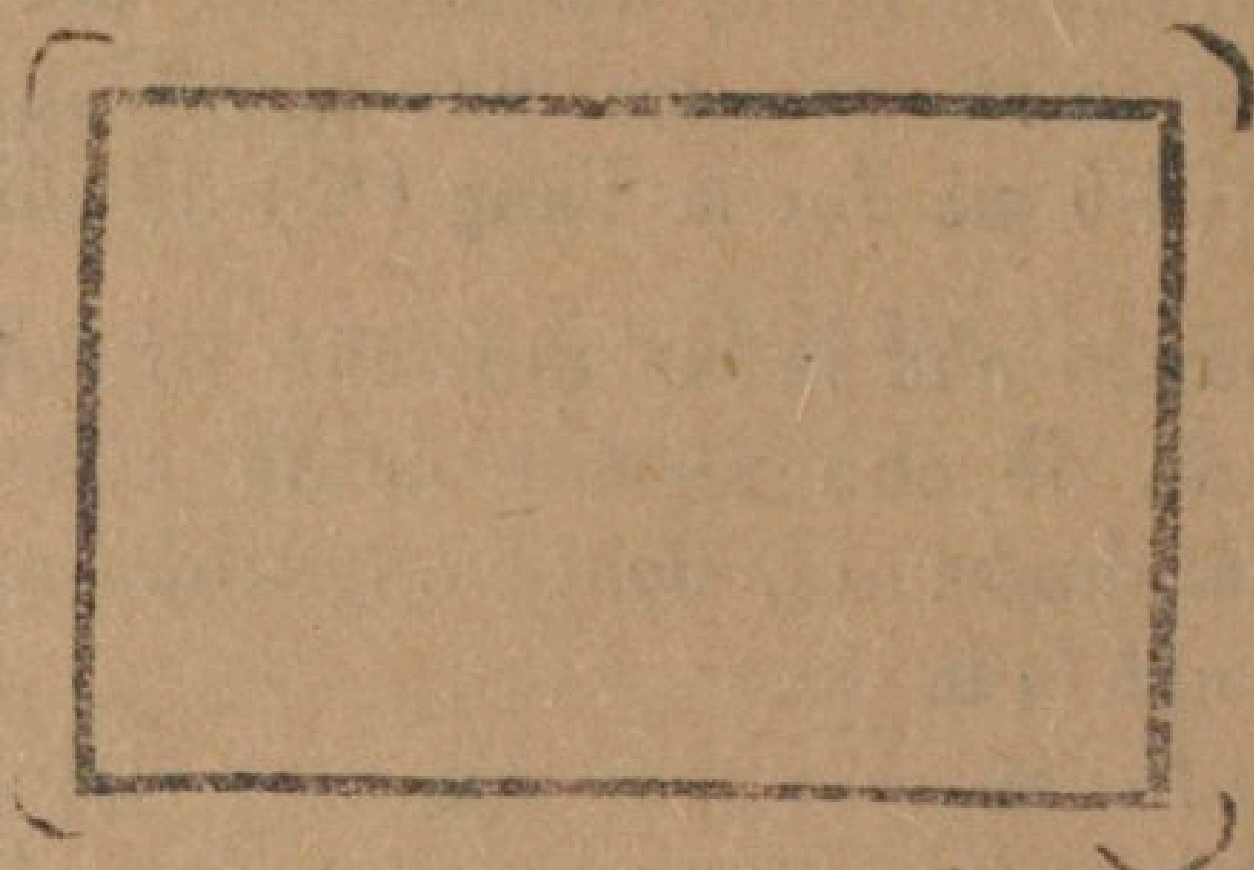
3' Khử thanh vòng phía trên bên phải tức là dấu sắc.

4' Nhập thanh vòng phía dưới bên phải tức là dấu nặng.

Tại dụ

THƯỢNG THANH

KHỬ THANH



BÌNH THANH

NHẬP THANH

Thượng thanh, bình thanh, khử thanh, nhập thanh.

Trên ngàn năm, chữ Hán đặc dụng ở nước ta, toàn quốc coi nó như chữ của nước nhà, mặc dầu đời Trần (1225-1400) có ông Hàn-Thuyên chực cách-mệch lối học đặt ra chữ Nôm, lấy những chữ Hán xếp đặt lại biệt thành một lối chữ Nam. Và đời Tây-sơn (1778-1802) vua Quang-Trung đem chữ nôm dùng trong công văn và các kỳ thi, và sau nữa, đời Tự-Đức (1847-1883) nhà đại ái-quốc Nguyễn trường Tộ đã khở tâm điều trần cùng Triều-đình cải cách việc học, đặt ra một lối viết dựa vào chữ Hán nhưng không hiểu lối viết ra sao. Nhưng đến khi lá cờ xanh trắng đỏ của nước Pháp đã tỏa bóng

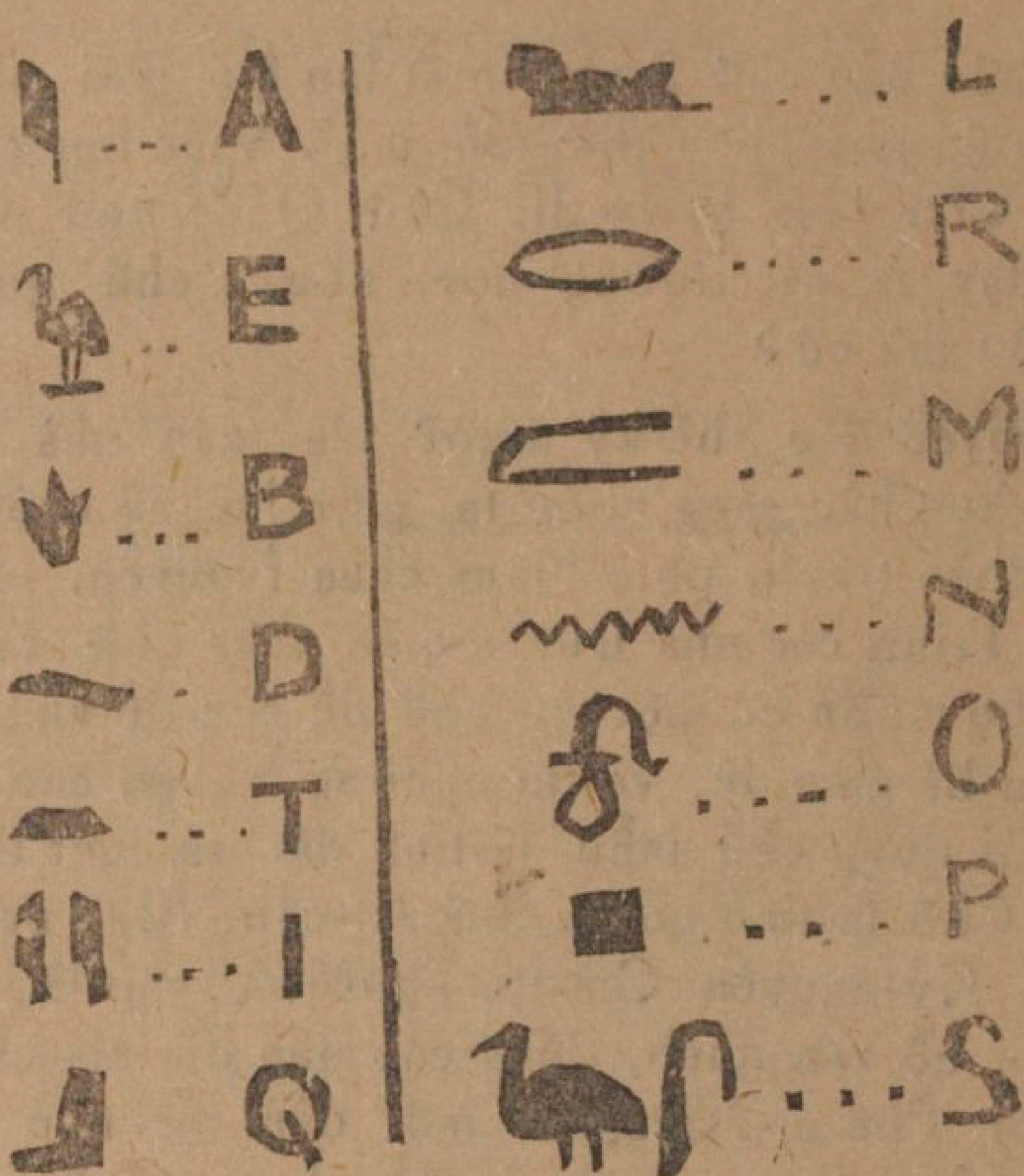
khắp bán đảo chữ S này, một làn gió mới nổi dậy. Mọi việc phải theo thời đời mới. Việc học phải cải cách. Chữ Hán bị ly-dị. Chữ Quốc-ngữ bắt đầu đem dạy ở các trường học, nhưng chữ quốc-ngữ bởi đâu mà có ?

Nguyên đầu thế-kỷ mười sáu, các nhà truyền giáo Âu-châu sang nước ta, giữa lúc có cuộc Nam Bắc phân tranh, phía Nam chúa Nguyễn, phía Bắc chúa Trịnh các nhà truyền giáo thấy chữ Hán khó học, họ muốn có một thứ chữ dễ đọc dễ viết, dễ để truyền bá giáo lý, và tín ngưỡng ở bọn con chiên, họ mới dùng chữ mẫu la-tinh đặt ra một thứ chữ mới. Chữ la-tinh gốc ở chữ Ai-cập. Mấy ngàn năm trước Kỷ-nguyên Gia-tô, người Ai-cập là một dân tộc tối cổ văn minh, dùng các dấu để làm chữ viết. Người Phê-ni-Xiêng là một dân tộc nhỏ ở Địa trung hải hay ra ngoài doanh thương cần có một thứ chữ dễ biết để làm sổ sách họ bèn mượn chữ mẫu của Ai-cập, bắt đầu hai chữ *a* và *b*, họ sửa đổi lại, và cải-lương dần thành mẫu tự ngày nay của Âu-châu.

Tại kinh-đô Pa-ri nước Pháp ngày nay người ta còn thấy ở một cái tháp nhỏ gọi là Obélisque de Louqsor mang những chữ tượng hình của nước Ai-cập xưa.

Thứ chữ mới của các giáo-sỹ Âu-châu đặt ra gồm các nguyên-âm *a, ă, â, e, ê, o, ô, ơ, i, u, ư, y* và các phụ-âm *b, c, d, đ, g, h, k, l, n, m, p, q, r, s, t, v*.

Và năm dấu sắc, nặng, hỏi, huyền, ngã. Trong các giáo-sỹ sáng chế ra chữ quốc-ngữ ấy, có người Bồ-đào-nha, người i-pha-nho, người Pháp lan-tây.



Những chữ tượng hình của Ai cập xưa.

Nhưng công lớn vẽ người Bồ-đào-nha và người Pháp. Mà Cổ Alexandre de Rhodes ngày nay có đài kỷ-niệm ở Hà-nội và đức cha Bá đa-Lộc là hai người Pháp đã để lại nhiều ân huệ.

Tự thể của quốc-ngữ thì hoặc viết ngả, viết đứng, viết rộng, hoặc viết hoa, viết in v.v...

Quốc ngữ rất dễ học, không phiền phức và khó khăn, không cần phải dùng nhiều ký ức và lý luận như chữ Hán, chữ Pháp, tuy nhiên nó không bất tiện và không mỹ-thuật. Có người đã định thay các dấu của nó bằng các chữ, nhưng không được công nhận.

Bên cạnh các thứ chữ viết, chữ Hán có các chữ số đơn, số kép, số mạ hàng. Quốc-ngữ có chữ số a-rập. chữ số la-mã.

Chữ Hán viết theo đường thẳng đứng tự bên phải, chữ quốc-ngữ viết theo đường thẳng ngang tự bên trái.

Lại nói đến dụng cụ để viết. Chữ Hán xưa kia viết bằng dao, rồi đến bút lông. Chữ quốc-ngữ viết bằng bút sắt, bút thủy tinh, bút máy ngòi vàng, ngòi đồng, ngòi bạch kim, bút chì, bút phấn. Mà tổ tiên nó trước ở Âu-châu thì lại viết bằng đũa lông ngỗng thôi.

Còn giấy viết chữ Hán xưa viết bằng thẻ tre, bằng lá cây, bằng ván gỗ, bằng vải lụa, bằng loài khoáng-vật mà thông dụng ngày nay nhất là giấy gió tức là giấy bản, giấy mồi, giấy lịnh.

Chữ quốc-ngữ ta ngày nay thì có các thứ giấy làm bằng dẻ, tre, nứa, rạ và vỏ cây. Người Âu-châu xưa dùng da loài vật, làm giấy nứa,

Chữ quốc-ngữ đã được đem dạy ở trường học và bắt đầu dùng làm món thi ở kỳ thi hương, thi hội về mấy kỳ cuối cùng của nền Hán học và ở các kỳ thi Khóa sinh cùng Tuyển sinh. Người ta đã đề ý đến nó, mà địa vị nó ở chương-trình học giới vẫn là địa vị thấp kém. Chữ Pháp đã thay cho chữ Hán đề ở nơi ưu-đãi. Cho mãi đến lúc đã đầy nắp áo quan của Thời đại Hán học bằng một khóa thi hội cuối cùng năm 1919, mà chữ quốc-ngữ vẫn chưa được chính đáng của nó, nếu không có một cuộc tranh luận kịch-liệt giữa hai phái nên dùng chữ Pháp

hay chữ quốc-ngữ làm văn tự chính ở bậc tiểu-học, mà ông Phạm Quỳnh, hồi đó là nhà viết báo, đóng một vai chiến-sĩ hăng hái, kêu vực và chiến đấu cho nó và được phần đông nhóm trí-thức ủng-hộ thì chưa biết số phận của nó sẽ ra sao.

Ngày 18 tháng 9 năm 1924 một nghị-định của quan Toàn-quyền Đông-dương ra đời. Chữ quốc-ngữ được dùng làm văn-tự chính ở bậc sơ-học yếu-lược và định kỳ thi lấy bằng cấp. Sơ-học yếu-lược cho các trường Sơ-dãng của người Nam một kỷ-nguyên mới cho chữ quốc-ngữ.

Năm 1925 một kỳ thi thứ nhất mở khắp các tỉnh, phủ, huyện, lý toàn nước Việt-Nam. Số thí sinh đông. Các học trò đã đỗ Sơ-học Pháp-Việt, hay đã học ở lớp nhất, lớp nhì trường Kiêm-bị, bậc trên chương-trình Sơ-dãng yếu-lược cũng dự thi.

Các bài thi viết bắt buộc gồm một bài ám tả, một bài luận, hai bài tính số và một bài viết tập chấm vào chữ viết bài ám tả. Và thi khẩu vấn hỏi về sử-ký, địa-dư, cách-trí, luân-lý vệ-sinh. Một bài ám-tả với một bài dịch nó ra chữ quốc-ngữ, cùng một bài chữ Hán viết tập và dịch làm bài thi tình nguyện.

Thí sinh nào được 30 điểm thì đỗ, được 50 điểm là ưu hạng. Mà tuy chữ Pháp không phải môn thi bắt buộc, song trẻ nào muốn được nhận vào học ở lớp nhì phải có đỗ phần chữ Pháp.

Nên người ta cho các thí-sinh hổng chữ Pháp năm trước được dự riêng kỳ thi chữ Pháp năm sau. Nhiều trẻ bị khốn đốn vì đó. Tuổi nhà trường có định hạn quá tuổi không nhận. Như ở bậc sơ-dãng từ 7 tuổi

đến 13, đúng 10 tuổi mới được đi thi sơ-học yếu-lược. Ở bậc sơ-học Pháp Việt thì 10 đến 16 tuổi. Có nhiều học trò đúng 13 tuổi đỗ sơ-học yếu-lược không chữ Pháp, thì năm sau dù đỗ, cũng bị nhà trường đóng cửa không cho vào bậc sơ-học Pháp Việt. Các phụ-huynh học sinh then phiền rất nhiều. Nghị định ngày 26 tháng 10 năm 1935 rồi đến nghị định ngày 29 tháng 6 năm 1937 được ký ban hành, chữa lại nghị-dịnh trước để cắt đứt mối ca thán của mọi người.

Trẻ được vào học lớp đồng-ấu từ 6 tuổi tây cho đến 12 tuổi, 9 tuổi được thi bằng sơ-học yếu-lược.

Năm 1941, anh học lớp Sơ-dãng. Tuổi anh lên chín, anh được thầy giáo luyện tập cho đề dự kỳ thi sơ-học yếu-lược. Tết xong. Rất tận tâm, thầy giáo hàng ngày sau buổi học sáng và chiều bắt học trò lớp sơ-dãng ở lại dạy thêm nào tính đổ, nào luận, nào ám-tả, nào câu hỏi. Mà cả đến thứ năm, chủ nhật nữa, thầy cũng chịu khó đến trường dạy thêm. Có nhiều học trò lại đêm đến nhà thầy học nữa là khác. Tháng ba tây đến, có nghị định quan Công-sứ hản tỉnh định ngày thi. Năm nào cũng vậy, hạn nộp đơn đến mồng một tháng tư tây hết. Kỳ thi mở trong vòng tháng năm tây lần lượt từng phủ, huyện một. Một thí sinh phải nộp tự tay mình viết một lá đơn, trước dán tem 15 xu, rồi 18 xu ngày nay lên 20 xu. Với một tờ giấy khai-sinh. Tất cả do ông Chưởng-giáo trường học nộp lên nha Đốc-học hay Kiểm-học của tỉnh mình ở. Nếu là tự do thí sinh thì do lý-trưởng gửi nộp.

Sau nữa phải chụp ảnh dán vào một tờ căn-cước.



Cổ A. de Rhodes

Ngày trước tờ căn-cước mang chữ ký của ông Chưởng-giáo trường học hay lý-trưởng rồi đệ lên tỉnh xin nhận thực của quan Công-sứ. Sau thấy phiền nhiễu, quan Công-sứ giao các quan Phủ, Huyện ký thay. Lệ ấy sau bãi hẳn. Căn-cước có chữ ký của ông Chưởng-giáo hay lý-trưởng là hợp lệ. Nhưng dấu nhà trường hay lý-trưởng phải in một nửa lên ảnh thí-sinh, một nửa trên tờ căn cước, để làm tín nhiệm. Vì sự chiến tranh, vật liệu cao và hiếm, sự dán ảnh cũng không bắt buộc, có thể xin miễn được. Đơn xin phải nói về điểm ấy và ông Chưởng-giáo hay lý-trưởng nhận thực là được.

Trước hôm thi đến, anh cùng các bạn đến huyện lỵ. Các thí sinh phần nhiều có gia nhân đi trông coi. Cảnh rất náo nhiệt. Hàng cơm nào cũng như nêu cối. Các khảo quan thì ngày xưa gồm có quan Thanh-tra tây và quan phủ huyện sở tại làm chánh phó chủ khảo cùng các giáo viên làm giám khảo. Từ lúc có học quan thì hội đồng thì thường có quan Đốc học hay Kiểm học làm chánh chủ khảo, một quan Huấn đạo hay giáo thụ làm phó. Các giáo học làm giám khảo.

Chiều hôm anh đến huyện, các khảo quan cũng đã lục tục đến. Giáo giới sở tại chung nhau lại tổ chức cuộc đón tiếp Hội-đồng thi, trong những ngày chằm thi, vì các phủ huyện phần nhiều không có khách sạn, các khảo quan không phải ai cũng có người quen biết ở chỗ mình đến cả. Nếu không đón tiếp thì rất bất tiện cho sự ăn ở của họ lắm. Và phần đông các giáo viên trong một tỉnh đều là khảo quan gọi đi lần lượt dự hội-đồng thi sơ-học yếu-lược, thì sự đón tiếp cũng là một cách thù ứng nhau mà thôi. Có lẽ là một bồn phận, chứ không thể là một phiền nhiễu cho nhau được. Nghe nói ở một huyện lỵ nọ, người ta chực bỏ cuộc đón tiếp, quan trên có thông tư cho tất cả các hạt nên giữ lấy một tục hay, miễn là đừng xa phí, để anh em giáo giới trong hạt được dịp tỏ tình đoàn thể và thân ái.

Ngày thi đến. Dậy thật sớm, anh ăn cơm sáng xong ra đến trường thì đã thấy như nước chảy ở các nẻo thí sinh cùng quyến thuộc họ tiến lại. Trên trán mọi người phảng phất làn hy vọng. Tiếng cười nói ồn ào. Bỗng có người đến dán các danh sách cùng số thí sinh xếp theo thứ tự a, b, c ở trước cửa các

buồng thi. Mọi người chen nhau để đi tìm buồng hoặc cho mình, nếu là thí sinh, hoặc cho con em hay học trò, nếu là phụ huynh hay thầy giáo. Cảnh đã náo nhiệt lại náo nhiệt thêm. Rồi một chốc mấy lá cờ đuôi nheo cắm t-rớc cửa trường. Mấy chú lính huyện ra giữ trật tự. Một hồi trống lớn kêu vang. Hội đồng thi bắt đầu làm việc. Quan chánh chủ khảo mời các khảo viên vào buồng hội đồng mọi người hiện diện. Ngài cắt công việc cho mọi người. Hai người phải trông coi một buồng. Còn số dư ở lại để làm các việc vặt và để sẽ chấm bài thi. Các buồng đã được tiếp các khảo viên, thì sự gọi tên thí sinh cũng tiếp đến. Trước cửa buồng thi, một khảo viên đồng đặc gọi tên, thí sinh được gọi dạ to lên, tiến bước vào buồng một tay cầm nỏ thước kẻ, nỏ bút chì, bút viết cùng lọ mực và tập giấy trắng để kẻ viết trong có cả giấy thấm, còn một tay cầm các tờ căn-cước mở ra để khảo viên kia xét qua và trao số thí sinh cho, đoạn dẫn thí sinh vào chỗ ngồi. Khi buồng thi đã nhận đủ số thí sinh, người ta bắt đầu đưa giấy lấy chữ ký của họ. Rồi phát giấy thi các khảo viên chỉ dẫn cách điền tên họ chỗ ở, ngày, tháng, năm sinh, cùng số thí sinh vào chỗ đã dành sẵn trên đầu trang nhất tờ giấy. Đoạn có đầu bài đưa đến. Ba tiếng trống kêu. Ngoài sân trường vắng vẻ. Thí sinh đã vào buồng thi. Phụ huynh họ, thầy giáo họ, cùng các kẻ hiếu kỳ bị đuổi ra hết. Cổng trường đóng kín. Mấy chú lính oai vệ đi đi lại lại xung quanh trường. Các buồng bắt đầu đọc ám tả. Rồi đến tính, đến luận, đến câu hỏi về sử ký địa dư hay luân lý, cách trí, vệ sinh, bằng bài viết, chứ không để làm bài khâu văn như ngày trước.

Thi các bài bắt buộc ấy xong, ai thi tình nguyện chữ Pháp thì ở lại, nếu không thì được ra về. Thi từ 8 giờ sáng đến 12 giờ trưa là xong. Hội đồng chấm đến sáng hôm sau mới hết nhưng còn phải cộng nốt và cứu vớt các thí sinh, thí dụ như năm anh thì số điểm trung bình năm bài thi là 25 thì đỗ 40 điểm là ưu hạng, 35 điểm là bình hạng, mà bị zéro là hỏng hay, song nếu có ai chỉ được 24 điểm hội đồng xét đáng cứu vớt thì gia ân cho, có khi vì các khảo quan quá nghiệt, các thí sinh chỉ có 22, 23 điểm cũng được hội đồng cứu vớt.

Cộng điểm xong, các kẻ hỏng bị gạch tên. Bắt đầu xướng danh. Kẻ đỗ vỗ tay cười vang lên nhảy nhót hớn hở. Các người không thấy gọi đến tên thì nghiêng đứng chờ bằng yết, tìm đi, tìm lại mãi vẫn không thấy gì. Tổ kiến người đã vỡ tan dần hết, họ mới chịu buồn rầu trở về làng với câu nói chưa thẹn rằng: «Bãi tôi làm được cả, không biết sao hỏng?» Kỳ thực là có ai nhầm dấu chỉ tại họ kém mà thôi.

Đỗ bằng yếu lược rồi, nghỉ hè anh phải chuyên cần học tập để hết hè thi vào lớp nhì trường sơ học bổ túc, mà trước kia vẫn gọi là trường kiêm bị hay cụ thể. Bậc sơ học bổ túc gồm có trước kia hai lớp nhất và nhì, nhưng từ năm 1928 đổi làm ba lớp: Một lớp nhì năm thứ nhất, một lớp nhì năm thứ hai và một lớp nhất. Học trò đã học hết bậc sơ học yếu lược thì hoặc đỗ bằng sơ học yếu lược hay không, cũng được nhập vào học lớp nhì năm thứ nhất, miễn là mình trúng tuyển kỳ thi vào lớp. Anh được vào học lớp nhì năm thứ nhất kỳ khai giảng 1941. Đến năm 1944 vừa học hết bậc sơ học bổ túc. Anh được dự kỳ thi sơ học pháp việt năm nay.

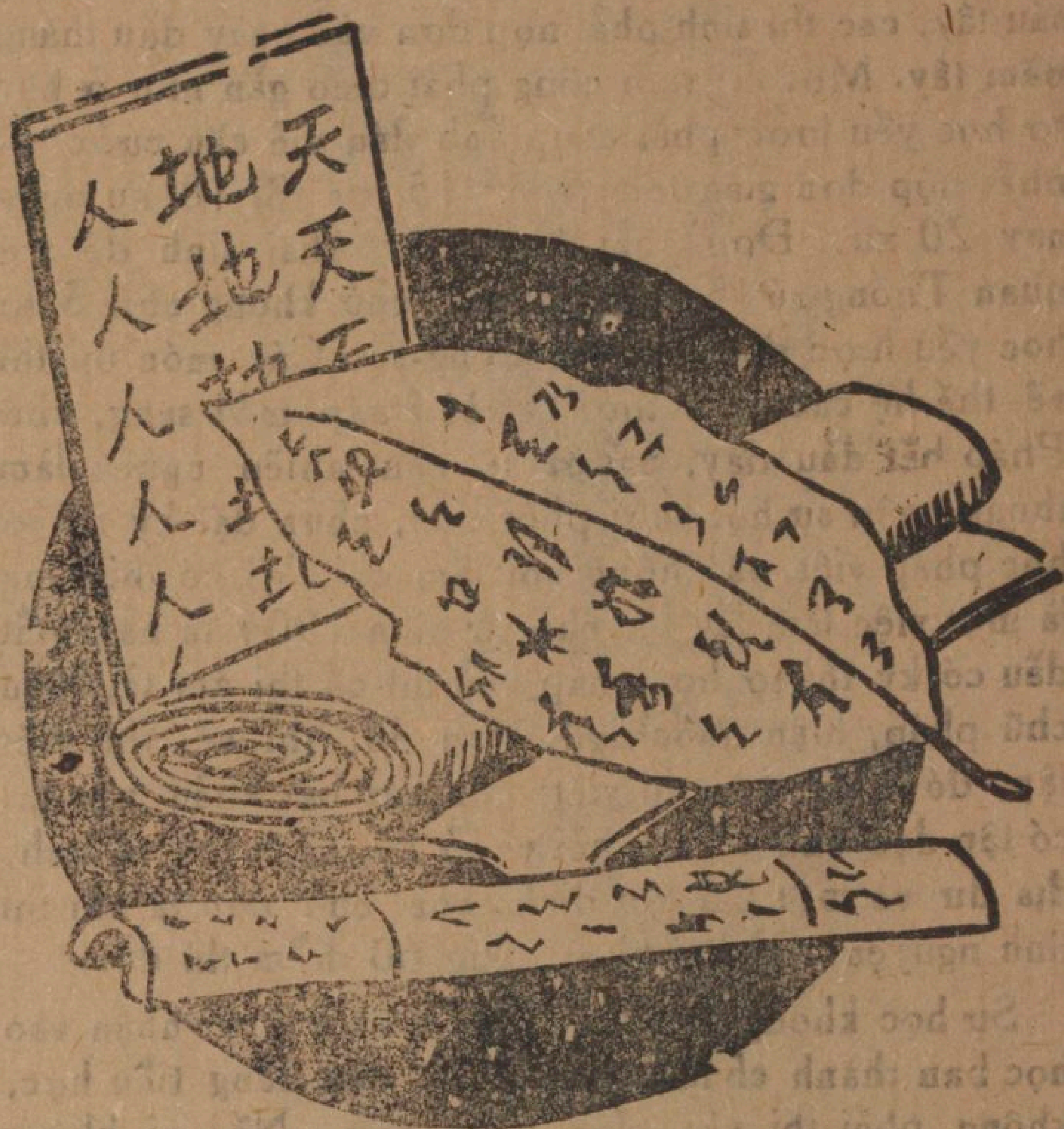


Dụng cụ để viết

Kỳ thi sơ học Pháp Việt thường mở vào tháng sáu tây, các thí sinh phải nộp đơn vào ngày đầu tháng năm tây. Một thí sinh cũng phải theo gấn như ở bậc sơ học yếu lược phải chụp ảnh dán thẻ căn cước — phải nộp đơn gián tem trước 15 xu rồi 18 xu ngày nay 20 xu. Đơn phải kèm giấy khai sinh để xin quan Thống-sứ hay Khâm-sứ, chứ không như ở sơ học yếu lược để xin quan Công-sứ. Các môn thi thì về thể hệ các cụ ở thời người Pháp mới sang, chữ Pháp hắt đầu dạy, người ta cần nhiều người làm thông ngôn sự học mới phôi thai, chưa đặt kỳ thi sơ học pháp việt, ta không nói làm chi. Vì có thi cũng là một việc làm lấy lệ, chứ từ năm 1904 là năm bắt đầu có kỳ thi sơ học pháp việt thì có thi ám tả, luận chữ pháp, luận quốc ngữ, tính đổ, thi vẽ, thi viết tập, đó là các bài thi viết, còn các bài khẩu vấn thì có tập đọc chữ Pháp, hỏi về sử ký, cách trí, vệ sinh, địa dư và một bài tập dịch, còn chữ nhỏ là bài thi tình nguyện. Cả hai kỳ ai đúng 60 điểm thì đỗ.

Sự học không hạn tuổi. Thi đỗ rồi được nhận vào học ban thành chung, tức gọi là cao đẳng tiểu học, không phải thi vào như ngày nay. Nếu ai không muốn học nữa thì được bổ dụng đi làm các công sở mà bỏ vào ngạch giáo học thì sai rất dễ dàng.

Đến năm 1917, sự học đã chấn chỉnh lại, định thể lệ mới của bậc sơ học pháp việt, nhưng cũng chưa hoàn bị bằng ngày nay. Người ta nói hồi ấy môn thi vẽ còn chưa bắt buộc, còn được viết chữ nhỏ thay vẽ. Luận quốc ngữ cũng bỏ ra ngoài. Thẻ căn cước còn chưa ngặt, nên có người ngồi nhà cũng đỗ bằng sơ học pháp việt.



Đồ để viết ngày xưa.

Rồi sự học chữ Pháp ngày một bành trướng, các trường kiêm bị mở nhiều. Học trò vào bậc thành chung cũng phải lựa chọn. Thi sơ học pháp viết cũng sửa đổi dần, cho mãi đến ngày nay thì các bài thi viết gồm có :

1.) Âm tả chữ Pháp.

2.) Tập viết chấm vào bài âm tả.

3.) Luận chữ Pháp.

4.) Luận quốc văn.

5.) Hai bài tính đồ.

6.) Bài hỏi về khoa học ^{thường thức} và thực hành cùng Sử ký Địa dư.

7.) Thi vẽ và thi khâu riêng cho nữ thí sinh.

Còn thi văn đáp thì bỏ.

Lại phải nộp tiền vào trường thi, mỗi thí sinh 0\$50, lệ này mới bắt đầu có năm 1933. Số điểm thi đồ thì trước 90 điểm, năm nay thì con trãi 90 điểm, con gái 95 điểm vì có môn thi khâu được nhân trội lên.

Các hội đồng thi trước kia chỉ ở Hà-nội, Hải-phòng hay các tỉnh to như Nam-dinh hay ở xa như Việt-trì chẳng hạn, mà chánh phó chủ khảo toàn người Pháp, còn hội viên cũng có các nam nữ giáo sư người Pháp nữa.

Ngày nay thì tỉnh nào cũng có hội đồng thi, số giáo sư người Pháp không đủ, mà các giáo sư người Nam cùng các học quan càng ngày càng nhiều, chức chánh phó chủ khảo cùng các hội viên ở các kỳ thi, thấy ít người Pháp hoặc không có họ, mà toàn người Nam. Hội đồng thi lập ở các trường học tỉnh lỵ tùy số thí sinh, độ hai hay ba ngày là kỳ thi kết liễu. Các khảo viên toàn là các giáo sư, các học quan hay giáo học ở các tỉnh. Họ không được đón tiếp như ở kỳ thi sơ học yếu lược. Bởi họ ở các tỉnh gọi đến, mà tỉnh lỵ nào cũng có các lữ điểm không phải như ở các kỳ thi sơ học yếu lược, các khảo viên toàn là giáo giới một tỉnh, tỉnh đã quen biết lại các phủ huyện lỵ phần nhiều không chỗ trọ.

Lúc hội đồng thi làm việc thì cũng tương tự như điều anh đã nói ở kỳ thi sơ học yếu lược. Nhưng trên kia anh quên nói là ở cả hai bậc, bắt đầu từ năm 1941 là năm sau thống chế Pétain đã là quốc trưởng Pháp, thì trước khi vào trường thi, người ta còn làm lễ chào cờ cả cờ Pháp lẫn cờ Nam.

Thi xong, một thí sinh trúng tuyển, phải nộp cho ông trưởng giáo trường mình một bức ảnh nhỏ khổ 4/6, sau lưng nó đề tên, số thi ở hội đồng để gửi về Nha Học Chánh làm bằng cấp. Nói đến bằng cấp thì bằng sơ học Pháp Việt trông dãn dẹt hơn bằng sơ học yếu lược, chỉ gồm một bản giấy dày có kẻ khung đường lan can bằng mực đen, có chữ ký quan Thống-sứ hay Khâm-sứ, cùng quan Chánh-đốc Học-chánh trong xứ với tấm ảnh của mình có dấu nha Học-chánh đóng đè lên. Chứ bằng sơ học yếu lược thì là một bản giấy có vẽ rồng mầu đỏ đẹp hơn, mà chữ ký thì là của quan Công-sứ cùng quan Thanh-tra học chính hàng tỉnh, về trước ngày có Học-quan còn từ ngày ngạch Học-quan đã đặt lại, thì có chữ ký quan Kiểm học hay Đốc học, mà không có ảnh của người được bằng cấp. Đến đây, ta cũng nên nhớ rằng có lúc người ta đã định bỏ cái bằng con rồng lóc lẹt mà thay bằng một bản giấy nhỏ, chưa bằng nửa cái bằng con rồng, có kẻ khung đen, có hàng răng cưa, bằng thứ giấy xấu, để xé ra phát cho thí sinh trúng tuyển, như tờ giấy biến lai của một hàng buôn. Song kiểu bằng ấy không được hoan nghênh, nên độ một vài năm vào khoảng 1936 — 37 người ta lại để bằng con rồng sống lại, cho được vui lòng phần nhiều cha mẹ học sinh hiếu danh, và đẹp mắt bọn trẻ em hiếu học.



Thí sinh vào thi.

Lĩnh bằng thì không phải như bằng sơ học yếu lược, sau tết nguyên đán, nó phải ở về đầu vụ hè của niên học sau. Học trò công trường thì được gửi về tận trường để ông trưởng giáo phát cho. Còn các « thí sinh tự do » mà thường gọi học trò thi « lớp » thì phải lên tận nha Học-chánh Hà-nội mà lĩnh bằng. Sao lại có hai chính sách phát bằng như rứa. Mong một lệnh trên cho nó sẽ thủ tiêu ngay, để học trò đỡ phiền nhiễu và đỡ tốn kém.

Còn giá trị của bằng sơ học Pháp Việt thì ra sao ?

Lúc người Pháp mới bắt đầu cuộc bảo hộ, cần nhiều người giúp việc. Các kẻ có bằng sơ học Pháp Việt rất được đặc dụng. Giá trị của tấm bằng ấy to lắm, nó cho người ta được quyền vào học ban thành chung, không phải lựa chọn, được dự các kỳ thi vào làm công sở, mà nhất là ngạch giáo học thí sai lại mở rộng cửa nghênh tiếp nó lắm. Cho nên người ta xô nhau đi học rất nhiều, vì không học được tới bậc trên, với nó, người ta cũng đã có một căn câu cơm. Có người lại gán vào cho nó một giá trị rất lớn nữa. Ở một làng nọ, có một ông Tú-tài nho học vẫn làm trùm làng, ăn sỏ lợn, sỏ bò. Một cậu học trò nọ thì đỗ sơ học Pháp Việt, về làng, người ta cho là cũng một ông tú-tài lầy học, xui cậu đòi chia quyền lợi của ông Tú. Ông Tú cầu cứu cửa công. Cậu bị thua kiện.

1929 — 32, đến thời kỳ kinh tế khủng hoảng là gần hạ màn mà giá trị của nó dồn vào làm nấc thang cho thiếu niên bước lên các bậc học trên. Người ta không hoan nghênh như trước nữa. Các công sở không mở cửa đón nó nữa. Tấm bằng ấy không phải một căn

câu cơm như trước. Bởi đó sự học chữ Pháp không được sốt sắng như trước. Một chán nản đeo vào óc người ta. Nhất là ở thôn quê.

Một chuyện dưới đây làm minh chứng.

Một điền chủ nọ, sở hữu trên mười mẫu ruộng, có một cậu con trai mười một tuổi, tư chất thông minh, đã học hết bậc sơ học yếu lược rồi. Thầy giáo của cậu, muốn cậu được theo đuổi sự học ở bậc trên, tới nhà khuyên bố mẹ cậu cho lên trường kiêm bị học. Họ không cho thầy được thỏa mãn. Thầy, vì lòng thương trò, vui lòng cấp giấy bút, chia gánh nặng cho cha mẹ cậu. Cậu đi học được một tháng lại bị gia đình bắt ở nhà. Thầy giáo cậu lại đến can thiệp, xin cấp đỡ cho một phần học phí, mà nhất định gia đình ấy lấy lẽ rằng họ cần phải có người giúp việc canh nông. Sự học tuy cần, song hiện tại nó không nuôi sống được người như hồi trước, họ quyết giữ con ở nhà. Người ta tưởng cái bằng sơ học Pháp Việt như đã nói ở trên, là chỉ dùng cho con nhà giàu có làm bậc thang leo lên bậc trung học, đại học, chứ đám thường dân phải trông nó bằng cặp mắt ít tình hạn.

Ai ngờ đạo dụ của đức Bảo-Đại hoàng đế ra ngày 25 Mai 1941..... đã khiến tất cả mọi người, dân cày dân thợ dân buôn đều trở lại sốt sắng cho con em đi học ngõ hầu đạt được bằng sơ học Pháp Việt. Vì, có nó người ta, ở chốn dân thôn đã được một địa vị trong ban kỳ hảo, mà từ trước, chỉ dành riêng cho các ông lý dịch, các ông khoa cử, các ông phẩm hàm. Nó lại còn cho các người có nó được quyền ra làm tổng lý, dự các chức vụ trong làng một cách rất

dễ dàng hơn người không học. »

Yên kể đến đó, bỗng phía trước ngõ có tiếng chó
oán dậy vang, mọi người tưởng xe tay đã đến đón
cậu thí sinh, đều kéo nhau ra ngõ, Yên cũng mãi cấp



Ba tiếng trống kêu, ngoài sân trường vắng vẻ...

cấp đề lên đường, bỏ quên trên bàn viết cái bút máy cùng tờ giấy thấm. Nhưng nhằm xe chưa đến. Yên lại cùng tất cả giả định trở vào nhà. Em bé Yên thấy bút máy và giấy thấm, vỗ lấy đòi bắt chuộc. Yên móc túi chực lấy tờ giấy năm xu mới nguyên đưa cho nó, thì nó lại lắc đầu kêu: Không... lấy... tiền... Phải nói tại sao người ta có bút máy và giấy thấm mà dùng mới được cơ!

Yên không làm hài lòng em được, toan đi cầu cứu với cha. Song cha đang bận tiếp ông hàng xóm sang chơi. Khó nghĩ quá cho Yên, chưa biết tiến thoái ra sao! Trước ngõ lại có tiếng chó cắn. Yên cùng các em lại ra ngõ. Xe tay vẫn chưa thấy. Chỉ thấy một ông lão ăn mày rất già yếu và rách rưới. Em bé Yên hý hước bảo:

— «Thôi ông tiên đã đến giải nguy cho anh rồi».

Ông lão nghe vậy hỏi ngay;

— Cái gì thế các cậu? Rồi ông lão được rõ cái chỗ khó khăn của Yên ông liền nói:

— Thôi, cậu Yên ạ, lão xin đáp giúp cậu nhé! Bút máy là tự một người Pháp tên là Mallat bán đồng hồ ở đường Neuve Saint François tại kinh đô Paris, năm 1854 ông nghĩ ra cách đựng mực vào một cây bút viết. Nhưng mười năm sau ông mới đến xin tòa lấy bằng cấp sáng chế, vì lúc đầu ông cũng không cho nó quan hệ gì lắm. Ở Pháp người ta quên tên ông, Ở Hoa-kỳ người ta lại nhận lấy công mình, song người Anh vẫn nhớ ơn mà nhắc đến tên ông Mallat ông tổ bút máy. Còn giấy thấm thì trước kia không có, người ta phải dùng cát mà thấm. Sau ở Berkshire, trong một nhà máy giấy, có người thợ

dăng trí không cho hồ vào thùng bột giấy, khiến chỗ giấy làm ra bị hỏng. Người thợ bị chủ đuổi. Nhưng ít lâu sau, một hôm người chủ nhà máy giấy tỉnh cờ dặt một tờ giấy không hồ ấy lên một trang giấy vừa viết xong, trông nó có tính cách hút mực, mà không làm loang ra, không dễ mất chữ. Thế rồi những tờ giấy thấm dầu tiên đem ra bán. Thiên hạ có giấy thấm dùng ».

Ông lão ăn mày nói vừa dứt lời, xe tay đã kéo đến, Yên chỉ kịp nói cảm ơn ông lão rồi bỏ chạy vào nhà lấy cặp để lên xe, vì sợ đến trường thì muộn. Các em Yên cùng người nhà cũng tíu tít đến chúc Yên thượng lộ bình an, cùng vào trường thì gặp nhiều may mắn, để sẽ trở về với kết quả mỹ mãn.

Ông lão bị bỏ quên. Lúc xe đã chạy, người ta mới nhớ, thì không biết ông đã biến mất đi đường nào.

Còn Yên lên đường lòng đầy khoan khoái vì đã may mắn gặp người giải đáp hộ câu hỏi khó khăn và khiến được rộng thêm trí thức. Các em Yên thì reo ầm lên, cho anh chúng đã gặp được tiên phù trợ. Chuyến này Yên thi ắt đỗ. Vậy ta hãy chờ xem.

HỮU-MAI

Số 141 ra ngày 17-8-44

AN QUÀ NHỎ

KẺ TRÔNG CÂY

TRUYỆN CỦA THÂM-TAM

PHU TRƯỞNG TRUYỀN BA

THẮNG VIỆT NGHĨ HÈ

TRUYỀN CỦA LÊ VĂN - TRƯỞNG

(Xem ở số 133)

Nó muốn nghĩ cách gì để giả ơn anh bếp nhưng nó nghĩ mãi không ra. Thì anh bếp đã đem đến cho nó một cơ-hội. Buổi chiều hôm ấy, lúc ăn cơm xong, anh bếp đem một bức thư nhà lên nhờ nó đọc hộ. Sau khi đã đọc tử-tế và viết thư giả nhời hộ anh bếp, rồi, nó cho anh bếp một cái tem rồi bảo :

— Tại sao anh không học quốc-ngữ. Chỉ hơn một tháng là đọc được, viết được thôi. Như thế thì mỗi khi nhận thư và viết thư cho nhà, có phải không phải nhờ ai không.

— Nhưng không có ai dạy.

— Tôi dạy anh. Tôi còn ở đây lâu cơ mà.

— Ồ nếu thế thì tốt quá.

Ngay buổi tối, anh bếp đi mua sách, rồi ngay buổi tối, nó dạy anh bếp học. Ông bà Nghị thấy thế cười bảo anh Bếp :

— Ừ thế tốt, nhưng nhớ phải có cái lễ cho ông thầy tí-hon nhé.

Trưa hôm sau, thằng Việt ngồi viết thư cho mẹ. Từ trước đến giờ nó chỉ mới có làm bài, lên lúc ngồi vào bàn viết, nó thấy lúng-túng. Nó không biết bắt đầu bằng gì vì bao nhiêu ý-tưởng lao xao ở trong đầu. Nó ngồi hàng giờ mới viết được xong một bức thư độ hai mươi giòng. Sau khi viết xong, nó gọi em nó lên đọc cho nghe.

Mợ yêu quý của con

Con đã đến nơi rồi. Đi xe hơi, em Nam không mệt. Nó đã ra tắm bể. Nó thích lắm. Con gõ vào ngực nó thì nó bảo bây giờ ngực nó khỏe hơn trước nhiều lắm. Mợ đừng có lo, có buồn, nghe không. Hai tháng nữa nó về, thế nào nó cũng béo phục-phịch. Ông bà Nghị thương nó lắm, và nó ngoan. Và nó không có khóc.

Chúng con nhớ mợ lắm. À, may quá mợ ạ, con bị người ta ăn cắp mất sổ tiền mợ cho con để tiêu vặt, nhưng con lại nhờ anh bếp tìm được ngay. Anh bếp bây giờ là bạn của con, con dạy anh ấy học. Con chắc là đến khi con về thì anh ấy đọc được và viết được.

Nước bể mặn lắm, mợ ạ, như muối ấy. Anh bếp bảo tắm thì nó sứt người lại, và khỏe lắm. Mợ đừng có buồn nghe không. À lâu lâu mợ nhớ phơi sách của con và cậu con không dạn nó cần hết đấy.

Con Việt của mợ.

Nó đọc xong liền hỏi em :

- Mà nghe thế có được không ?
- Được, nhưng em muốn bảo mợ khi về em khỏe rồi thì mợ đừng có bắt em uống dầu cá nữa.
- Thế thì mày viết cho mợ đi.
- Viết thế nào, em không biết viết.
- Viết như mày vừa nói ấy.

— Viết thư như nói ấy à ?

— Chứ lại còn thế nào nữa. Nhưng trước khi nói thì mày phải viết bốn chữ : thưa mẹ yêu-quý, như thế mới là có phép. Ông giáo chưa dạy mày làm luận về viết một bức thư à ? Đấy cầm bút viết đi.

Thăng Nam nguệch ngoạc xong bốn chữ : « thưa mẹ yêu quý », lại dừng tay :

— Thế nào nữa.

— Thì mày muốn nói thế nào. Mày không muốn uống dầu cá nữa phải không ?

— Ừ

— Thế thì mày viết : « con sẽ khỏe vì gió bè. Mẹ không cần phải bắt con uống dầu cá khi con nghỉ hè về nhà nữa ». Thế rồi mày ký tên đi.

Thăng Nam viết xong lại ngừng dầu lên :

— Có thể thôi à ?

— Thế mày có muốn nói gì với mẹ nữa không.

— Em muốn nói nhiều lắm.

— Nói gì chứ.

Thăng Nam gãi mũi :

— Này mẹ em lại không biết nói gì.

— Thế mày là đồ ngốc.

Nói xong nó giăng lấy giấy bút. nó viết thêm vào bên dưới :

« Đây là em Nam nó viết cho mẹ đấy. Nó bảo nó muốn nói nhiều nhiều với mẹ, nhưng đến khi con bảo nó muốn nói gì với mẹ thì nó lại bảo nó không biết nói gì. Thế nó có kỳ-khôi không. Mẹ đừng có giận nó nghe không. Nó chỉ quen nói và không quen viết. Chúng con hôn mẹ mười cái. »

Viết xong nó đưa bức thư lên miệng hôn năm, rồi lại đưa cho em :

— May hôn đi.



Viết thư xong, nó xin phép ông bà Nghị đi bỏ thư. Ông bà Nghị bằng lòng. Thằng Bích với con Ngà cũng đòi đi. Con Ngà luôn luôn hỏi nó :

— Viết viết thư về cho mẹ Việt phải không ?

Ngà cũng muốn viết thư cho mẹ Ngà quá, nhưng mẹ Ngà ở đây, thành ra Ngà không viết cho ai được.

Thằng Nam chế ngay nó :

— May đọc còn chưa được, may đã biết viết làm sao.

Con Ngà then :

— Nhưng rồi sao biết. May đừng có chế tao.

Thằng Việt kéo tay con Ngà :

— Thôi, nó là em Việt.

Chúng nó kéo nhau ra đến cửa nhà giấy thép, nhưng chúng nó đều không biết bỏ thư vào đâu để cho chạy ra đến Hà-nội. Thằng Nam thì bàn buộc vào hòn cuội bắn lên mái nhà, thằng Bích thì bàn chờ xem có ai thì đưa, con Ngà thì bảo cứ ném vào cửa sò. Thằng Việt đều không cho làm phải. Nó nghĩ ngợi mãi chưa biết nên sử trí thế nào thì thấy một người từ xa lại xăm xăm mở nắp một cái hòm đóng ở tường rồi bỏ tọt một bức thư vào. Nó lại gần nhìn thấy chữ « *boîte aux lettres* » liền mừng reo lên.

— Ô thế ra chúng mình ngu thật.

Nhưng cái hòm cao quá, mà chúng nó thì thấp. Chúng nó chưa biết tính thế nào để bỏ được bức thư vào thì con ngà đã bảo :

— Khó gì, Việt khỏe, Việt công-kêng Ngà, rồi Ngà cầm bức thư, Ngà bỏ cho.

Chương thứ năm

— Cho chuồn chuồn cắn rốn thì biết bơi.

Câu ấy không biết tự đâu ném ra rồi thì thằng Bích ước vì không biết bơi một hôm hỏi thằng Việt:

— Này anh Việt, tôi nghe người ta nói cho chuồn chuồn chúa cắn rốn thì biết bơi phải không?

Thằng Việt lục tìm ký-ước:

— Tôi cũng nghe người ta nói thế, nhưng không biết có đúng không.

— Thế nhưng trước kia anh có cho chuồn chuồn cắn rốn không đã.

Thằng Việt gãi cằm:

— Tôi cũng không nhớ có hay không.

Ấy chỉ vì chỗ thằng Việt không nhớ mà cả bọn đâm ra tìm rồi đồng-thanh:

— Thế thì chắc là có rồi.

Con Ngà kéo áo thằng Việt:

— Ngà cũng cho chuồn chuồn cắn rốn để Ngà biết bơi, Ngà cũng bơi với Việt cơ.

Thằng Nam thì cởi phăng ngay áo, lấy tay móc rốn:

— Anh phải cho chuồn chuồn cắn rốn em đây. Cắn chúng đây này.

Nó vừa nói vừa muốn xem rốn con Ngà nhưng con Ngà then bỏ chạy:

— Phải có chuồn chuồn thì rồi mới cắn rốn chứ. Để chờ chuồn chuồn đã.

Nhưng chuồn chuồn làm thế nào mà bắt được. Lại là chuồn chuồn chúa, giống chuồn chuồn đậu cao

nhất và tinh khôn thoáng thấy bóng người đã bay rồi.

Nếu bắn chết thì đã dễ-dàng lắm rồi, chỉ một phát súng cao-xu của thằng Việt là đủ. Nhưng đảng này lại cần phải có chuồn chuồn sống để cho nó có thể cắn, cắn để biết bơi.

Thằng Việt thành-thực mong mỏi cho em và em biết bơi nên ra sân lung mãi. Nhưng chuồn chuồn toàn đậu cao mà chúng nó lại thấp thì làm thế nào. Chúng nó cầu cứu với thằng nhỏ, chúng nó cầu cứu với anh Bếp, nhưng thằng nhỏ và anh bếp cũng đều chịu. Có mấy lần, con chuồn chuồn chửa đến xăm đốm khoanh vàng đậu trên cành đào thấp, nhưng anh bếp rón rén lại gần, vừa dơ tay, nó đã vụt bay mất để lại cho đàn-trẻ cái mối thất-vọng không bờ bến.

Trong hai ngày, chúng nó tổ-chức một cuộc săn chuồn chuồn chửa rất kịch-liệt, nhưng chỉ mất công toi. Những cái rốn vẫn sẵn sàng chờ chuồn chuồn để cắn, nhưng những con chuồn chuồn tốt số ấy vẫn chẳng tìm thấy cho, thành thử chúng nó vẫn thiếu cái phép mẫu đề noi được ở trên mặt nước.

Chúng nó hậ-n-hực, chúng nó khổ sở trong hai ngày thì một buổi sáng, thằng Việt bỗng sực nhớ ra được cách bắt chuồn chuồn bằng thông lọng.

— Chúng mày ơi tao biết rồi. Ở gần nhà tao, chúng nó vẫn bắt chuồn chuồn như thế. Chắc là được, chắc là được.

Bọn trẻ mừng dù tưởng chừng như mình đã biết bơi cả rồi. Chúng nó súm lại xem thằng Việt làm thông lọng. Anh bếp cho một cái que dài, con Ngà hi-sinh một sợi tóc. rồi thằng Việt hi-hực làm trong

muời lăm phút, cái « máy » bắt chuồn chuồn đã hoàn thành.

Làm xong chúng nó thử « bắt » một cái que diêm để trên mép nóc tủ. Khoái chưa, nó nhảy vô cùng ! Con Ngà mỗi lần thấy thắng Việt đặt được que diêm lại vỗ tay :

— Thật là nhảy như máy ! thật là nhảy như máy !

Thời kỳ huấn-luyện đã xong rồi, chúng nó mới bỏ đi tìm. Tức chưa, lúc chưa có máy, thì sao chuồn chuồn đậu ở trên cây đào, đậu ở trên dàn thiên-ly nhiên thế, mà nay thì chẳng thấy một mống nào.

— Hay là chúng nó biết trước rằng chúng mình có máy, chúng nó sợ trốn cả rồi.

— Có lẽ đâu, làm sao chúng nó biết được, thế chúng nó là thần à ?

Con Ngà nói một câu làm cho thắng Việt phục lắm :

— Ô, nếu nó không thế, làm sao cần có một cái máy nó lại làm cho mình bơi được.

— Ừ, Ngà nói có lẽ. Nó là chuồn chuồn chúa cơ mà.

Ấy thế là chúng nó đủ nhan im lặng, không chuồn chuồn chúa nghe thấy.

Sau một buổi chưa, tìm tòi vô công hiệu, chúng nó đã chán nản, và đang phục chuồn chuồn chúa là giống chuồn chuồn thần thì bỗng thắng nhỏ chạy lên :

— Cậu Việt ơi, có con chuồn chuồn chúa to tướng đậu ở cành đào kia kia.

Thắng Việt vội vàng mím mồm lại :

— Khẽ chứ, khẽ chứ, không nó nghe tiếng.

Nó lẳng lẳng vác « máy » đi ra, bọn trẻ nấp ở trước hiên hồi-hộp chờ.

Thằng Việt lúc ấy thật là con mèo, nó luồn qua các bụi hoa nhài, nó khora khom ở sau những cây hồng, rồi nó nhò lên ở cây đào, ngay sau đuôi con chuồn chuồn chúa.

Lúc thấy nó dơ cái cần lên, bọn trẻ tưởng chừng như tác thử, chúng nó nắm lấy tay nhau để cho khỏi run và để cho khỏi dú. Thằng Nam dẫm lên chân con Ngà một cái ra phết, mà con Ngà cũng cần rằng chịu đau không dám kêu vì sợ chuồn chuồn thần thấy động bay mất.

Khi chúng nó thấy thằng Việt thông lọng được con chuồn chuồn ở đầu que, chúng nó đều rú lên, rồi chúng nó không kịp ra phía cửa, nhảy ào cả xuống giăng nhài để ra cho chóng. Con Ngà và thằng Nam vì bé mà tường cao bị ngã những cái nên thân, nhưng chẳng đứa nào khóc cả, chúng nó còn đang mừng về chỗ nhờ chuồn chuồn mà sắp được biết bơi.



Cả bọn trân trọng và kính cầu rước con chuồn chuồn về buồng như người ta rước kiệu thần.

— Nào đứa nào cho « ngài » cản trước nào. Cả ba đều tranh nhau nhao nhao. Rồi thằng Nam cãi nhau với thằng Bích mà thằng Bích thì cãi nhau với con Ngà làm cho gian buồng huyền nào.

Thằng Việt chỉ nói ra một tiếng là chúng nó nghe ngay, nhưng cái tiếng ấy, nó không thể nói. Một đằng thì là em, một đằng thì là bạn, biết chọn ai, bỏ ai.

— Thôi thế thì rút thăm vậy. Thứ tự nghe chưa.

Kết của số tiếp

Những tư tưởng hay

của Đông-phương

☉ Tài trai nên ngan,
dọc trên trời đất. Không
nằm quanh quẩn trong
nhà như đêm ngày.

(Chu-Hi)

☉ Người không chỉ như
thuyền không lái, như
ngựa không cương, trời
đạt bổng-lông chẳng ra
thế nào cả. (Chu-Hi)

☉ Bồ câu giới đất gọi là
công; ich lợi thế gian
gọi là danh; có tình thần
gọi là giận; có liêm-sĩ
gọi là sang; biết đọc
sách gọi là phú; có
tiếng thơm gọi là thọ;
có con cháu dạy được
gọi là minh.

(Trần hạp-Sơn)

☉ Nuốt được cái cay
đứng trong cái cay đứng
mỏi lắm được hạnh
người trên đời người.

(Linh idt-Tứ)

và Tây-phương

☉ Muốn biết báo thù,
phải biết đau đớn.

(Voltaire)

☉ Mọi người ai cũng
gồng nhau vì lời nói,
và duy chỉ có việc làm
lộ ra họ khác nhau thôi.

(Molière)

☉ Người ta sống hoàn-
toàn, khi người ta sống
vì nhiều người. (Gautier)

XUÂN-LUU

THƠ TRÉ EM

MỘT CHIỀU TRÊN BÀI BIÊN SÂM - SƠN

Nắng sơn mặt biển xanh vàng,
Gió man mát thổi, sóng ràn-rạt lẫn.
Ngoài khơi nhận trắng một đàn,
Nghiêng mình chao cánh trên làn
nước trong.

Và xa nữa, đám mây hồng,
Lững-lờ bay lặn vô-cùng, xa xăm.

☉

Chúng tôi ba đứa cỡi trần,
Chạy trên cát mịn, dọc lẫn bờ xa.
Say-sưa trong nắng chiều tà,
Trong luồng gió biển nhẹ qua trên đầu.
Mắt vui, đùa giỡn cùng nhau,
Quên vòng ác đã xuống mau bên đò.

PHAM-ĐÀM

NẬT ỨC

Một điền chủ gửi 3 người hàng cam bán
hồ ba chục quả cam. Người thứ nhất nhận
bán hồ 20 quả, người thứ 2 nhận 30 chục
quả và người thứ 3 nhận 40 quả. Đến lúc
bán về 3 người lại giả nhà điền chủ họ
cùng một số tiền như nhau. Ông này
không chia thành ra cái cọ nhau. Vậy nhờ
các bạn đọc Truyền-bá làm ơn tính giúp
cho họ khỏi cái cọ nhau. Biết rằng:

Họ bán sáng chng một giá như nhau.
Sáng rõ thì: 1 xu một quả. Chiều đất: 3
xu một quả.

(Xem trả lời trang 39)

BA TRUYỆN NHỎ, BA BÀI HỌC HAY

CỦA NGUYỄN TIẾN - KIẾN

Đẽ xe thấy mẹ

Nguyễn-Cốc lên 15 tuổi, ở với ông và cha mẹ. Ông thì già và lắm-cảm cho nên cha mẹ ghét bỏ, thường vẫn đàn nhau tìm cơ hội đẽ đuổi đi. Cốc hiểu ý can ngăn không được. Về sau quả nhiên cha mẹ đóng một cỗ xe đẽ người ông ngồi vào mà xe ra bỏ ngoài đồng xa. Cốc biết tin lên theo đi rồi đợi cha mẹ về một lúc mới lễ-mễ đem cái xe không về. Cha mẹ thấy xe vọt hỏi:

— Mày đem cái đồ khí gió ấy về làm gì thế?

Cốc tự-nhiên đáp rằng:

— Đẽ ngày sau lúc thấy mẹ già con lại lấy cái xe này mà xe thấy mẹ đi.

Cha mẹ nghe nói, trong lòng hối-hận, lại bảo nhau đi đón người ông về và từ hôm ấy trở đi phụng-dưỡng tử-tế chứ không dám khinh ghét như trước nữa.

Nói nhiều vô ích

Có người hỏi thầy Mạc-Tử: « Nói nhiều có phải là hay không? » Thầy Mạc-Tử đáp: « Con ếch-ương kêu suốt đêm chỉ làm cho người ta chán nản còn con gà sống chỉ gáy vài tiếng mà chấn-động khắp một nơi. Vậy lời nói chỉ cốt vừa phải hợp lẽ thôi chớ nói nhiều thì có ích gì ».

Mau trí khôn

Ông Phạm-đình-Trọng đốc quân đi đánh giặc Quận-Hèo. Nguyễn hữu Cầu — lại Đông-Triều — Hải-dương.

Một hôm ông đang ngồi trong thuyền, bất ngờ Quận-Hèo lặn ngầm dưới nước nhảy vọt lên thuyền, giết chết mất một tên lính và lăm-lẻ chực vào giết ông. Nhưng ông điềm-nhiên vọt đứng dậy khép cửa thuyền lại và hô to lên rằng:

— Ta đã chém được Quận-Hèo rồi đây!

Tướng sĩ tướng thật đồ-sô cả lại. Quận-Hèo sợ hãi lại phải nhảy xuống sông mà trốn.

Ấy cũng vì mau trí-khôn và trấn-định mà ông Phạm đình-Trọng tránh được một sự nguy hiểm có thể thiệt đến tính mạng.

N.T.K.

DESAIX

Đại-tướng Desaix sinh năm 1768 ở quận Auvergne bên nước Pháp. Đại-tướng vừa là một người rất can đảm vừa là một người hết sức thực thà. Năm 26 tuổi Desaix đã làm nên Đại-tướng. Ông thường theo đánh những trận to lớn dưới hồi cách-mệnh bên Pháp chống lại với Châu Âu hiệp-lực. Bình nhật ông là một người trung trực, thanh liêm. Mỗi khi người ta bắt quân thù bại-trận nộp tiền cống hiến, ông không hề chia lấy một phần nào cả. Ông nghèo nhưng ông thường bảo : « Lấy tiền của kẻ khác không phải là bổn-phận một người cầm đầu quân-sĩ ». Vì thế binh lính cho đến quân địch đều thương mến và cảm-phục ông. Bên nước Đức dân quê thường gọi ông là « Vị đại-tướng rất nhân từ ». Hồi ông theo Hoàng-đế Nã-phá-Luân sang đánh Ai-cập các vị giáo-sĩ ở đây phải phục tính thản-thần của ông mà gọi là « ông chúa công binh » (Le sultan juste). Năm 1800 ở quận Piémont gần thành Marengo xảy ra một trận chiến-tranh kịch-liệt. Quân đội Pháp kéo qua núi Alpes theo sườn Saint Bernard định đến đánh úp quân Áo (autriche). Nhưng trái lại bị chúng đón đánh phải thua mà chạy. Giữa lúc ấy thì Desaix cầm đầu một đội kỵ-binh rầm rộ kéo đến. Ông luôn miệng thúc dục lòng hăng hái của binh sĩ và một mình ông dẫn thân vào giữa trận tiền. Quân Áo núng thế đã gần thất bại. Bỗng một viên đạn trúng vào ngực làm ông ngã sấp xuống đường. Lúc gần tắt thở, nhìn quân Áo đang chạy trốn, ông thều thào : « Tôi chết thế này là mãn nguyện lắm rồi vì tôi chết vì tổ-quốc ». Quân sĩ nhớ ơn vị đông-tướng xây dựng chỗ ấy một cái bia để kỷ-niệm chiến-công oanh liệt và sau này để lưu danh vang động đến nghìn thế. Mấy năm sau ở Clermont Ferrand người ta lại tượng của ông để ở vườn hoa.

Gương Tiên Nhân

Về thời xưa nước ta đã nổi danh là một nước văn hiến. Biết bao nhiêu vị thần-đồng, thiếu-tuấn đã sản xuất qua các thời đại và làm vẻ-vang cho nước non nhà.

Dưới đây xin kể qua một vài vị có danh tiếng :

Triều Trần (1225-1413) có những ông :

Nguyễn-Hiến 13 tuổi đỗ Trạng Nguyên, Nguyễn-văn-Long 18 tuổi đỗ Trạng-Nguyên, Trần-đạo-Tái 14 tuổi đỗ Bảng-nhơn, Lê văn-Hưu 18 tuổi đỗ Bảng-nhơn, Đặng-ma-La 14 tuổi đỗ Thám-hoa, Nguyễn - văn-Cần 15 tuổi đỗ Thám-hoa, Nguyễn văn-Lân 16 tuổi đỗ Thám-hoa, Nguyễn trung-Ngạn 16 tuổi đỗ Hoàng-giáp, Nguyễn-Trãi 21 tuổi đỗ thái-học-sinh (Tiến-sĩ), Lý đạo-Tái 21 tuổi đỗ thái-học-sinh (Tiến-sĩ), Vũ mông-Nguyên 21 tuổi đỗ thái-học-sinh (Tiến-sĩ).

Triều-Lê (1442 - 1475) có những ông :

Nguyễn-Trực 20 tuổi đỗ Trạng nguyên, Nguyễn như-Đồ, 19 tuổi đỗ Bảng-nhơn, Nguyễn-nhân-Tiếp 15 tuổi đỗ Tiến-sĩ, Nguyễn nhân-Dur 17 tuổi đỗ Tiến-sĩ, Nguyễn nhân - Dịch, 18 tuổi đỗ Tiến-sĩ, Nguyễn-nhân-Bị 19 tuổi đỗ Tiến - sĩ, Nguyễn - nhân-Phùng 19 tuổi đỗ Tiến-sĩ.

ĐƯA ĐƯỜNG

Trên đó nắng rất. Người thanh-niên ra roi quất ngựa. Con vật lại phi nhanh. Vó đều ròn rập trên mặt đá. Dáng hẳn người này thúc ngựa chạy mau tới bóng đá dầu lưng để nghỉ.

Nhưng không.

Con ngựa đã dừng về cây đa cổ thụ mà chàng thanh-niên vẫn ngồi im trên mình nó. Đôi mắt nhìn từ phía : vắng tanh.

Bỗng một đứa trẻ, trên cây đa tụt xuống.

— Này em, em làm gì trên ấy thế ? Chàng thanh-niên hỏi vấp.

— Thưa ông, tôi lên chắt quả. Ông đưa ngựa ở đây làm gì ? Ông muốn tìm hàng, quán phải không ?

— Không Anh muốn hỏi thăm nhà ông Chánh Tổng.

— Thưa ông, nhà ông ta ở cuối làng này.

— Nhưng anh không biết đường, em đưa anh đến nhé.

— Vâng.

Chàng thanh-niên xuống ngựa và đi theo đứa bé.

Giương tiễn nhân chới lợi như thế há ta không theo đó mà bắt chước hay sao ? Bây giờ thì cứ ra không còn Thám hoa, Bảng-nhơn, Trạng-nguyên nữa, nhưng ta lại có Bắc-sĩ, Thạc-sĩ thế vào.

Nước ta là một nước văn-hiến, vậy ta là dân nước phải chuyên cần học tập để giữ tiếng thơm cho nước Nam.

NGUYỄN-TRUNG-HÒA

Quanh eo trong ngõ hẻm một lát, cả hai đã đứng trước một tòa nhà đồ sộ, có cổng sắt, có giằng chuông.

Đứa bé dừng lại :

— Thưa ông đến rồi.

Và nó quay đi. Chàng thanh-niên gọi giật :

— Em,

— Dạ !

— Em hãy lại đây đã.

Chàng thò tay vào túi lấy ra năm hào mới tinh. Chàng chia ra phía đứa bé. Nhưng nó lắc đầu.

— Ô, ta thưởng công cho em đấy mà !

— Không, tôi không lấy.

Chàng rút vào tay nó, nó vẫn từ chối. Chàng lấy một quả cam (cung chiếu) bị treo ở cửa ngựa đưa cho nó, nó cũng lắc đầu. Ngạc nhiên chàng hỏi :

— Ô hay ! Ta thưởng công khó nhọc cho em sao em lại không lấy ?

— Tôi không dám lấy.

— Hay là em chê ít ?

— Thưa ông không phải thế.

Chàng thanh-niên ngắt lời :

— Ta chưa thấy cửa bó nào kỳ lạ như em. À, chắc em sợ thầy em mắng

— Thưa ông không phải thế !

— Thế sao em không lấy ?

Đứa bé mỉm một nụ cười ngây thơ và tươi tắn, rồi trả lời :

— Thưa ông, vì trước em có đi Sói Con !

Chàng thanh-niên cũng mỉm cười, cho cam vào bị và đưa tay lên giật chuông.

ĐẶNG-TRẦN-HUÂN

TÌNH CHA CON

Một hôm, vua Henri IV bò dưới đất như một con vật bốn chân, để trên lưng con ngà, sau là Louis XIII, bảy giờ còn nhỏ, cậu bé rất sung sướng ngồi nhún trên lưng ngà như người cưỡi ngựa. Ngà bò quanh phòng một cách tự nhiên trong khi cậu bé cứ tự trên lưng ngà và giục đi nhanh. Chợt một sứ-giả Tây-ban-nha vào thấy thế, rất lấy làm ngạc-nhiên. Vua Henri IV cứ để nguyên như vậy, hỏi sứ-giả :

— Nhà sứ-giả có con không ?

— Tâu Hoàng-thượng, có.

— Vậy thì ta có thể bỏ cho hết một vòng phòng này đã.

Vua Henri IV cho rằng một người không có con thì không thể nào hiểu thấu được cái tình âu-yếm của một người cha đối với con được.

LÊ MÔNG-NGUYỄN

TRẢ LỜI NÁT ÓC

Buổi sáng rẽ người thứ 1 bán hai quả mỗi quả 1 xu là 2 xu.

Người thứ 2 bán 17 quả = 17 xu.

Người thứ 3 bán 32 quả = 32 xu.

Chiều tối người thứ nhất bán 18 quả mỗi quả 3 xu được là = 54 xu cộng với 2 xu buổi sáng là 56 xu.

Người thứ 2 bán 13 quả = 39 xu + 17 xu = 56 xu.

Người thứ 3 bán 3 quả = 24 xu + 32 xu = 56 xu.

MỘNG-HÙNG

NÓI DỐI CÓ LÝ

Đức Không-Tử, một hôm, sai tên đầy tớ ra chợ mua cá về làm cơm thết khách.

Tên đầy-tớ vâng lời ra chợ mua một con cá thực to. Khi về đến nửa đường có một người hỏi :

— Bác kia mua bao nhiêu tiền con cá đấy ?

— Ba tiền

— Cá to nhỉ. Bán lại cho tôi nhé !

Không, về chủ tôi mắng chết.

— Không sợ. Bán cho tôi, tôi trả năm tiền.

Thấy có lãi hơn bán ngay. Về nhà đức Không-Tử hỏi :

Cá đâu ?

Tên đầy tớ thưa :

— Bẩm chủ ông, con có mua một con cá chuối hết ba tiền. Con cầm ở tay mang về. Đến giữa đường con thấy nó cứng đờ ra. Con tưởng nó chết. Con xuống ao thử thả nó xuống xem nó chết thật chưa thì quấy mạnh một cái rồi bơi đi mất. Con không thể bắt được nữa.

Đức Không-Tử tin ngay không hỏi thêm gì cả. Sau có người đến nói chuyện với ngài rằng : Tên đầy tớ ngài bán lại cá ản lãi. Ngài là bậc thông thái mà còn tin lời nói dối à ?

Đức Không-Tử cười :

— Cá gặp nước là sống. Nói dối nhưng có lý thì cũng tin được. ĐẶNG-TRẦN HUÂN

Magot, le

8 Août

1940

TIRAGE

1100

EX

Kịch ba hồi

ĐÀN BÀ MỚI

của **VŨ ĐÌNH-LONG**

Bán rất chạy, nếu không mua ngay, sẽ không mua được.

Bản in một mẫu mực giá 2\$

Bản in hai mẫu mực giá 5\$

Bản giấy lụa gió giá 50\$

Cước mỗi quyển 0\$50. Giảm tiền sách cả cước cho nhà xuất-bản Tân-Dân ở Mục-Xá Hà-Đông.

Không gởi linh-hóa giao-ngân

Muốn nghiên-cứu văn-học
nhà Tân-Dân hiến các ngài

BALỌẠI VĂN

của **VŨ NGỌC-PHAN**

Giá bán 1\$20